TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 /5/2020
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến

- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Quang Liêu , bà Đỗ Thị Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 520/2019/ TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 , về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị B Th; Sinh năm 1994 (có mặt)
  Địa chỉ : Khu H Đ , TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Nguyễn T; Sinh năm 1990(vắng mặt)
  Địa chỉ : Khu H Đ , TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thị B Th trình bày:

Tôi và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, quá trình sống chung đến năm 2019 thì anh Nguyễn Tthường xuyên uống rượu, chơi bài bạc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn quan tâm tới nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Teo.

Về con chung: Nguyễn Phan Đình Đình, sinh ngày 07/3/2016 , nguyện vọng sau ly hôn được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/ 1 tháng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn T vắng mặt nhưng qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn, con chung, tài sản, nợ chung đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: chị Phan Thị B Th có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tèo, nay chị Phan Thị B Th xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Phan Thị B Th và anh Nguyễn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số đăng ký 40, quyển số 01 ngày 13/05/2013, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn T và chị Phan Thị B Th là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Nguyễn T và chị Phan Thị B Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phan Thị B Th được ly hôn với anh Nguyễn T.

4/Về con chung: Nguyễn Phan Đình Đình, sinh ngày 07/3/2016, nguyện vọng sau ly hôn là chị Phan Thị B Th được nuôi con,anh Tèo đồng ý, vì vậy cần giao cháu Đình cho chị Hạnh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục .

Cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ 1 tháng, anh Tèo đồng ý. Vì vậy anh Tèo có trách nhiệm trợ cấp nuôi con số tiền 1.000.000đ/ 1 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Phan Đình Đình thành niên, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ ngày bản án co hiệu lực pháp luật.

5/Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6/Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

7/Về án phí: chị Phan Thị B Th nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định. Anh Nguyễn Tèo nộp án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Phan Thị B Th được ly hôn với anh Nguyễn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 40, quyển số 01 ngày 13/05/2013 do UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Đình Đình, sinh ngày 07/3/2016 cho chị Phan Thị B Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn T có trách nhiệm trợ cấp nuôi con số tiền 1.000.000đ/ 1 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Phan Đình Đình thành niên, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ ngày bản án co hiệu lực pháp luật.

3/Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí: chị Phan Thị B Th nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009982 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong), anh Nguyễn Tèo nộp án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.